

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Phạm Hương

Bà Trần Thị Thiều Liên

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1561/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2020, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh B. Năm sinh: 1996.

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trương Anh K. Năm sinh: 1990.

Địa chỉ: A Chung cư T, Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh B và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh B trình bày: Vợ chồng ông bà chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017 ngày 22/9/2017 tại UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Trong cuộc sống gia đình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K có sử dụng ma túy dẫn đến tinh thần không minh mẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông K vẫn không thay đổi. Hai bên sống ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng không thể nào hàn gắn tình cảm được. Trong thời gian sống ly thân đến nay không còn tình cảm. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Minh K sinh ngày 15/4/2019, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà B trình bày không có.

Bị đơn ông Trương Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị Thanh B có đơn xin vắng mặt. Ông Trương Anh K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn. Tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Võ Thị Thanh B và ông Trương Anh K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017 ngày 22/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, bà B có yêu cầu xin ly hôn với ông Trương Anh K nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Trương Anh K cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Trương Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Trương Anh K đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Xem như bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017 ngày 22/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cùng lời khai của bà B về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà B và ông K là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu của bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà B có yêu cầu ly hôn với ông K vì cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K có sử dụng ma túy dẫn đến tinh thần không minh mẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù bà B đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông K vẫn không thay đổi. Hai bên sống ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng không thể nào hàn gắn tình cảm được. Trong thời gian sống ly thân đến nay không còn tình cảm.

Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống gia đình không hạnh phúc sẽ gây ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của các con nên bà B nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Trương Anh K.

Đối với ông Trương Anh K, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa để làm việc, nhưng ông K không đến Tòa và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà B. Cho thấy ông K không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Điều này cho thấy, ông K đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà B theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông K đã diễn ra trầm trọng, không có khả năng hàn gắn gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà B yêu cầu được ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Hai bên có 01 (một) con chung tên Trương Minh K, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ K, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, trẻ K còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, bà B có việc làm ổn định, có thời gian và khả năng tài chính đảm bảo việc nuôi con. Trẻ K đã và đang chung sống với bà B, do đó không nên làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao trẻ Trương Minh K cho bà B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà B tự khai không có.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Võ Thị Thanh B phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh B đối với ông Trương Anh K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017, ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Thanh B và ông Trương Anh K không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trương Minh K sinh ngày 15/4/2019. Giao trẻ K cho bà B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá

nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà B khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Võ Thị Thanh B phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà B đã nộp theo biên lai thu số 0062303 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2021

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang
2. Bà Trần Thị Thiều Liên.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 760/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2020, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thảo. Năm sinh: 1985.

Thường trú: Khu 4, xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú: 142/3 Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Năng Cường. Năm sinh: 1977.

Địa chỉ: Nhà không số kế số nhà 142/2 Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định . . . /3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị Thảo đối với ông Phạm Năng Cường.

Giấy chứng nhận kết hôn số 154, ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung tên Phạm Hoàng Cương sinh ngày: 02/8/2019. Giao trẻ Cương cho bà Hoàng Thị Thảo tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Thảo về việc không yêu cầu ông Phạm Năng Cường cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà Hoàng Thị Thảo khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Hoàng Thị Thảo phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Thảo đã nộp theo biên lai thu số 0061209 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thảo đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử đã nghị án theo từng vấn đề: về pháp luật áp dụng, về yêu cầu của đương sự, về án phí và quyền kháng cáo. Mỗi vấn đề đều biểu quyết/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng.....năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2019,
Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Trần Thị Thiêu Liên.

Đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 760/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2020, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thảo. Năm sinh: 1985.

Thường trú: Khu 4, xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú: 142/3 Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Năng Cường. Năm sinh: 1977.

Địa chỉ: Nhà không số kế số nhà 142/2 Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 về các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 760/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2020, về việc: “Ly hôn” .

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 422/1 đường Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết